Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
697390	Phạm Thanh	Thủy	K69KTA	69	15	3.71	#N/A	83	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
699736	Nguyễn Thanh	Phương	K69KTA	69	15	3.36	#N/A	74	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	2
697336	Nguyễn Hoàng	Long	K69KTA	69	17	3.36	#N/A	86	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
696979	Nguyễn Thị	Mai	K69KTA	69	15	3.21	#N/A	69	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	4
696881	Nguyễn Thị	Hồng	K69KTA	69	15	3.21	#N/A	79	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	5
699605	Nguyễn Duy	Hoàng	K69KTA	69	15	3.21	#N/A	83	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
696752	Trịnh Thị Bảo	Châu	K69KTA	69	15	3.14	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	7
696971	Ngô Khánh	Ly	K69KTA	69	15	3.14	#N/A	71	Khá	Khá	Khá	8,350,000	8
697371	Vương Đức	Phú	K69KTDTA	69	15	3.46	#N/A	87	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	1
697119	Ngô Phương	Thảo	K69KTDTA	69	15	3.25	#N/A	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
697117	Lê Thị Thu	Thảo	K69KTDTA	69	15	3.21	#N/A	77	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	3
697141	Trần Thị	Thu	K69KTDTA	69	15	3.21	#N/A	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
696824	Nguyễn Hữu	Đức	K69KTDTA	69	15	3.11	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	8,350,000	5
691164	Lê Huy	Long	K69KTNNA	69	15	3.21	#N/A	69	Khá	Giỏi	Khá	8,700,000	1
691194	Nguyễn Kim	Tú	K69KTNNA	69	15	3.07	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	8,700,000	2
691286	Nguyễn Thị Diệu	Thuyên	K69KTNNA	69	15	3.04	#N/A	79	Khá	Khá	Khá	8,700,000	3
697402	Man Kiều	Trang	K69KTNNE	69	21	2.95	#N/A	65	Khá	Khá	Khá	16,650,000	1
697410	Lê Kiên	Trí	K69KTSA	69	15	3.71	#N/A	84	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	11,160,000	1
696846	Thân Ngọc	Hà	K69KTSA	69	15	2.93	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	9,300,000	2
697145	Nguyễn Thu	Thủy	K69KTSA	69	15	2.86	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	9,300,000	3
696955	Đặng Đức	Long	K69KTSA	69	15	2.82	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	9,300,000	4
697409	Phạm Thị Thùy	Trâm	K69KTTCE	69	21	3.78	#N/A	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	16,650,000	1
699461	Nguyễn Minh	Châu	K69KTTCA	69	15	3.71	#N/A	80	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
696727	Lê Hồng	Ánh	K69KTTCA	69	15	3.50	#N/A	88	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
699712	Nguyễn Hoàng Diệu	Linh	K69KTTCA	69	15	3.50	#N/A	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
696968	Vũ Tiến	Lực	K69KTTCA	69	15	3.36	#N/A	79	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	4
697274	Pờ Thị	Duyên	K69KTTCB	69	15	3.36	#N/A	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
699958	Nguyễn Hoàng Thu	Trang	K69KTTCA	69	15	3.29	#N/A	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
699734	Lê Thùy	Dung	K69KTTCB	69	15	3.29	#N/A	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	7
696756	Nguyễn Tùng	Chi	K69KTTCB	69	15	3.25	#N/A	93	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	8
697401	Lê Quỳnh	Trang	K69KTTCB	69	15	3.25	#N/A	74	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	9
696886	Phạm Thanh	Huệ	K69KTTCA	69	15	3.21	#N/A	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	10
697044	Nguyễn Thị	Oanh	K69KTTCA	69	15	3.11	#N/A	95	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	11
696917	Trần Quang	Khải	K69KTTCB	69	15	3.07	#N/A	72	Khá	Khá	Khá	8,350,000	12

Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
697122	Nguyễn Thanh	Thảo	K69KTTCA	69	15	3.04	#N/A	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	13
697219	Trần Thảo	Vi	K69KTTCB	69	15	3.04	#N/A	72	Khá	Khá	Khá	8,350,000	14
696876	Trần Thị Thu	Hoài	K69KTTCB	69	15	3.04	#N/A	72	Khá	Khá	Khá	8,350,000	15
696997	Ngô Thị Thúy	Nga	K69KTTCA	69	15	3.00	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	16
697217	Lê Nguyễn Uyên	Vi	K69KTTCA	69	15	3.00	#N/A	72	Khá	Khá	Khá	8,350,000	17
697350	Phạm Thị Thu	Minh	K69KTTCA	69	15	3.00	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	18
697098	Vũ Thị	Tâm	K69KTTCB	69	15	3.00	#N/A	72	Khá	Khá	Khá	8,350,000	19
696858	Phan Anh	Hậu	K69QLKTA	69	15	4.00	#N/A	79	Khá	Xuất sắc	Khá	8,350,000	1
697399	Bùi Hương	Trà	K69QLKTB	69	17	3.46	#N/A	93	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
697123	Phạm Thị Thanh	Thảo	K69QLKTB	69	15	3.39	#N/A	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
696808	Nguyễn Minh	Đạt	K69QLKTA	69	15	3.25	#N/A	75	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	4
696942	Nguyễn Thị Thùy	Linh	K69QLKTB	69	15	3.18	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	5
696705	Nhữ Đoàn Quang	Anh	K69QLKTB	69	15	3.14	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	6
697255	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	K69QLKTB	69	15	3.07	#N/A	87	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	7
697231	Hoàng Thanh Thảo	Vy	K69QLKTB	69	15	3.04	#N/A	92	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	8
697243	Diêm Thị Hồng	Anh	K69QLKTB	69	15	3.04	#N/A	82	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	9
696791	Trần Đức	Duy	K69QLKTB	69	15	3.04	#N/A	86	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	10
697323	Hoàng Thị Ngọc	Lan	K69QLKTA	69	15	2.93	#N/A	74	Khá	Khá	Khá	8,350,000	11
697315	Nguyễn Thị Bích	Hường	K69QLKTB	69	15	2.89	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	8,350,000	12
697109	Ngô Thanh	Thành	K69QLKTB	69	15	2.89	#N/A	75	Khá	Khá	Khá	8,350,000	13
696906	Đặng Xuân	Hương	K69QLKTA	69	15	2.86	#N/A	74	Khá	Khá	Khá	8,350,000	14
697168	Lê Huyền	Trang	K69QLKTA	69	15	2.82	#N/A	82	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	15
699868	Phan Tú	Anh	K69QLKTB	69	15	2.82	#N/A	91	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	16
697278	Nguyễn Tiến	Đại	K69QLKTB	69	15	2.79	7.24	77	Khá	Khá	Khá	8,350,000	17
695025	Phạm Trung	Dũng	K69QLNNLB	69	15	3.61	#N/A	93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
695150	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K69QLNNLA	69	15	3.50	#N/A	85	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
694216	Đào Thu	Nga	K69QLNNLB	69	15	3.46	#N/A	75	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	3
695426	Hà Thị Cẩm	Ly	K69QLNNLA	69	15	3.43	#N/A	87	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
699839	Phan Thị	Lương	K69QLNNLA	69	15	3.43	#N/A	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
699827	Dương Ngọc	Ánh	K69QLNNLA	69	15	3.14	#N/A	82	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	6
693489	Lê Thị	Diễm	K69QLNNLA	69	15	3.11	#N/A	91	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	7
695715	Chu Thị Phương	Thảo	K69QLNNLA	69	15	3.11	#N/A	67	Khá	Khá	Khá	8,350,000	8
693824	Bùi Thị Thanh	Huyền	K69QLNNLA	69	15	3.07	#N/A	87	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	9
694489	Bùi Thị Phương	Thanh	K69QLNNLA	69	15	3.00	#N/A	85	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	10

Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
695375	Nguyễn Thùy	Linh	K69QLNNLB	69	15	3.00	#N/A	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	11
694735	Nguyễn Thanh	Tú	K69QLNNLB	69	15	2.96	#N/A	91	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	12
694050	Nguyễn Thùy	Linh	K69QLNNLB	69	15	2.96	#N/A	86	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	13
695010	Nguyễn Thùy	Dung	K69QLNNLA	69	15	2.93	#N/A	87	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	14
693513	Đặng Thùy	Dung	K69QLNNLA	69	15	2.89	#N/A	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	15
680741	Vũ Minh	Hòa	K68KTA	68	23	3.89	8.93	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
683470	Đỗ Minh	Thùy	K68KTA	68	23	3.53	8.10	92	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
688657	Thạch Thị	Hường	K68KTA	68	21	3.31	7.83	94	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
686781	Nguyễn Lan	Hương	K68KTA	68	23	3.25	7.52	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
687042	Nguyễn Thị Thu	Thuận	K68KTA	68	23	3.20	7.57	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
686819	Đoàn Thị Thùy	Linh	K68KTA	68	21	3.05	7.50	85	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	6
686726	Bùi Thị	Hiền	K68KTA	68	24	3.02	7.60	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	7
680960	Nguyễn Xuân	Điệp	K68KTDTA	68	24	3.63	8.52	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
683875	Đặng Trần	Trung	K68KTDTA	68	24	3.39	8.08	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
683707	Nguyễn Việt	Khang	K68KTDTA	68	21	3.39	7.98	85	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
683015	Đoàn Đình	Quang	K68KTDTA	68	24	3.32	7.87	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
682419	Nguyễn Thị	Trang	K68KTDTA	68	25	3.14	7.58	92	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	5
682115	Nguyễn Trường	Xuân	K68KTNNA	68	25	4.00	9.22	100	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	12,180,000	1
684516	Nguyễn Huyền	Thương	K68KTNNA	68	25	3.27	7.81	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,440,000	2
686616	Hồ Minh	Ánh	K68KTSA	68	22	3.53	8.24	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	11,160,000	1
688661	Lê Thị Hoa	Phượng	K68KTSA	68	21	3.47	8.04	88	Tốt	Giỏi	Giỏi	11,160,000	2
687051	Vũ Minh	Thư	K68KTSA	68	21	3.39	8.03	89	Tốt	Giỏi	Giỏi	11,160,000	3
686656	Nguyễn Thị Phương	Dung	K68KTSA	68	16	3.31	#N/A	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	11,160,000	4
686662	Ngô Anh	Dũng	K68KTSA	68	20	3.22	7.62	70	Khá	Giỏi	Khá	9,300,000	5
683130	Đặng Thanh	Hiền	K68KTSA	68	24	3.21	7.64	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	11,160,000	6
686821	Lưu Khánh	Linh	K68KTSA	68	20	3.19	7.58	81	Tốt	Khá	Khá	9,300,000	7
682195	Trương Thị	Hồng	K68KTTCA	68	23	3.90	8.95	81	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
687135	Nguyễn Thị Hương	Xuân	K68KTTCC	68	23	3.65	8.38	88	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
681024	Nguyễn Thị Kim	Dung	K68KTTCA	68	21	3.44	8.32	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
680714	Nguyễn Thị Thu	Anh	K68KTTCA	68	21	3.33	7.83	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
687016	Trịnh Thị	Thảo	K68KTTCA	68	24	3.24	7.93	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
680989	Dương Thị Việt	Phượng	K68KTTCA	68	23	3.20	7.71	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
687136	Nguyễn Thị Hải	Yến	K68KTTCA	68	20	3.20	7.65	92	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	7
686611	Trần Nguyệt	Anh	K68KTTCC	68	23	3.17	7.63	86	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	8

Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
688649	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	K68KTTCC	68	21	3.17	7.55	86	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	9
686633	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	K68KTTCA	68	23	3.10	7.72	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	10
683319	Hoàng Hải	Yến	K68KTTCC	68	23	3.08	7.60	86	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	11
686718	Phạm Thị	Hạnh	K68KTTCB	68	24	3.07	7.49	82	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	12
688663	Nguyễn Quỳnh	Anh	K68KTTCC	68	23	3.03	7.32	73	Khá	Khá	Khá	8,350,000	13
686802	Nguyễn Thanh	Lan	K68KTTCC	68	23	2.95	7.41	88	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	14
680778	Lê Hoài	Thanh	K68KTTCB	68	24	2.95	7.18	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	15
682418	Trần Thị	Nhung	K68KTTCA	68	23	2.93	7.42	80	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	16
687134	Bùi Thị Thanh	Xuân	K68KTTCA	68	21	2.93	7.29	89	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	17
686588	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	K68KTTCE	68	30	3.17	7.65	69	Khá	Khá	Khá	16,650,000	1
686571	Hoàng Quỳnh	Anh	K68QLKTA	68	25	3.58	8.16	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	1
686717	Nông Thị Mỹ	Hạnh	K68QLKTA	68	24	3.55	8.12	89	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
687079	Nguyễn Thùy	Trang	K68QLKTB	68	22	3.50	8.18	92	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
687036	Đặng Minh	Thu	K68QLKTB	68	23	3.43	8.15	93	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
687028	Đỗ Đức	Thịnh	K68QLKTA	68	20	3.24	7.71	84	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
681472	Nguyễn Hoàng	Minh	K68QLKTA	68	18	3.16	7.59	91	Xuất sắc	Khá	Khá	8,350,000	6
687060	Vũ Minh	Tiến	K68QLKTA	68	23	3.11	7.66	83	Tốt	Khá	Khá	8,350,000	7
683230	Nguyễn Vũ Hoàng	Lan	K68QLNNLA	68	18	3.59	8.32	93	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	1
688573	Hà Thị	Dung	K68QLNNLA	68	20	3.50	7.96	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
680835	Nguyễn Thị	Bích	K68QLNNLA	68	22	3.47	8.03	78	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	3
682628	Nguyễn Thị Hà	Vy	K68QLNNLA	68	22	3.47	7.90	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
686127	Phạm Thùy	Trang	K68QLNNLA	68	22	3.42	7.99	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
681495	Vũ Thị	Dung	K68QLNNLA	68	23	3.35	7.93	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
682507	Vũ Hương	Thảo	K68QLNNLA	68	23	3.34	7.88	82	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	7
682772	Lê Thị	Việt	K68QLNNLA	68	24	3.26	7.72	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	8
677717	Đỗ Thị Phương	Thanh	K67KTB	67	23	3.67	8.47	80	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
673984	Lê Thị	Phương	K67KTA	67	24	3.65	8.42	85	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
677715	Lê Thị	Huế	K67KTB	67	24	3.55	8.18	73	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	3
673979	Võ Hồng	Phúc	K67KTA	67	25	3.52	8.23	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	4
673911	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	K67KTA	67	23	3.50	8.32	85	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
677729	Hoàng Thị Hồng	Nhung	K67KTB	67	24	3.45	8.13	86	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
673812	Trần Việt	Hà	K67KTB	67	19	3.44	8.00	95	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	7
673732	Phạm Ngọc	Anh	K67KTA	67	24	3.43	7.87	85	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	8
677725	Phạm Thị Ngọc	Lan	K67KTB	67	20	3.42	8.04	78	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	9

Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
674031	Đàm Văn	Thắng	K67KTPTA	67	25	3.34	7.94	92	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	1
673965	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	K67KTPTA	67	24	3.24	7.78	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	2
674054	Phạm Thị	Thu	K67KHDTA	67	27	3.50	8.06	93	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	1
677732	Nguyễn Văn	Phú	K67KTDTA	67	21	3.76	8.54	97	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
674079	Lê Thu	Trang	K67KTDTA	67	19	3.73	8.37	84	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
673920	Lê Thị	Lộc	K67KTDTA	67	24	3.55	8.15	91	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
674135	Bùi Thùy	Dương	K67KTNNA	67	25	3.83	8.65	95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	12,180,000	1
673723	Nguyễn Ngọc	Anh	K67KTSA	67	22	3.65	8.38	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	13,020,000	1
674002	Nguyễn Trung	Quân	K67KTSA	67	24	3.50	8.06	78	Khá	Giỏi	Khá	9,300,000	2
673919	Đỗ Thành	Lộc	K67KTSA	67	25	3.46	8.02	78	Khá	Giỏi	Khá	9,300,000	3
673784	Nguyễn Thùy	Dung	K67KTTCB	67	24	3.74	8.37	88	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
673960	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	K67KTTCA	67	23	3.67	8.48	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
677850	Nguyễn Ngọc	Nhi	K67KTTCA	67	23	3.67	8.43	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	3
677886	Mai Thị Trà	My	K67KTTCB	67	23	3.65	8.48	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	4
677818	Nguyễn Minh	Trang	K67KTTCA	67	25	3.65	8.45	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	5
677858	Tạ Thị Ngọc	Hà	K67KTTCB	67	25	3.65	8.35	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	6
677799	Đào Thương	Huyền	K67KTTCB	67	25	3.63	8.37	85	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	7
677838	Phạm Thu	Hà	K67KTTCB	67	25	3.62	8.48	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	8
674122	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	K67KTTCA	67	25	3.61	8.36	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	9
677802	Bùi Thị Phương	Thảo	K67KTTCA	67	23	3.57	8.33	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	10
673895	Ngô Ngọc	Linh	K67KTTCA	67	23	3.52	8.41	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	11
673940	Nguyễn Thị Bảo	Minh	K67KTTCA	67	23	3.52	8.30	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	12
677878	Thái Phương	Anh	K67KTTCA	67	25	3.50	8.20	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	13
677837	Nguyễn Thị Bích	Loan	K67KTTCB	67	23	3.50	8.07	83	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	14
674045	Nguyễn Phương	Thảo	K67KTTCE	67	25	3.74	8.53	93	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	16,650,000	1
673783	Ngô Thùy	Dung	K67QLKTA	67	23	3.74	8.17	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
674053	Ngô Đức	Thông	K67QLKTA	67	22	3.67	8.23	70	Khá	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
677979	Đinh Thị Khánh	Linh	K67QLKTA	67	20	3.67	#N/A	92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	3
673916	Nguyễn Ngọc	Loan	K67QLKTA	67	20	3.63	8.39	95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	4
674072	Bùi Đức	Toàn	K67QLKTA	67	18	3.63	8.21	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	5
673951	Ngô Thị Kim	Ngân	K67QLKTA	67	22	3.35	8.06	90	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,020,000	6
675774	Nguyễn Thị	Ngọc	K67QLNNLA	67	24	4.00	9.15	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
675897	Nguyễn Minh	Quân	K67QLNNLA	67	25	3.75	8.50	93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	2
675587	Nguyễn Lý Khánh	Linh	K67QLNNLA	67	24	3.62	8.48	93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	3

Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	TC ĐK	Điểm H4	Điểm H10	Điểm RL	Loại RL	Loại HT	Loại HB	Số tiền	TT ngành
6667775	Đỗ Thị Thu	Thủy	K66KTB	66	15	4.00	8.94	95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
6666442	Đỗ Trà	My	K66KTB	66	17	4.00	8.86	80	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
6661569	Nguyễn Hữu	Hào	K66KTA	66	15	4.00	8.73	91	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	3
6668479	Nguyễn Thị	Linh	K66KTB	66	22	4.00	8.63	82	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	4
6668088	Dương Thị Thùy	Lương	K66KTA	66	19	3.95	8.68	85	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	5
6667910	Trần Thùy	Dung	K66KTB	66	15	3.87	8.93	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	6
6650682	Đinh Thị Mai	Anh	K66KTA	66	16	3.81	8.93	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	7
6660822	Hà Quang	Hiển	K66KTA	66	16	3.75	8.62	92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	8
6668583	Phan Thị Lan	Anh	K66KTB	66	15	3.64	8.44	93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	9
6666766	Nguyễn Thị Lan	Anh	K66KTDTA	66	15	3.93	9.09	92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
6655764	Trần Thị Thanh	Thúy	K66KTDTA	66	15	3.93	9.00	97	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	2
6667922	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	K66KTDTA	66	16	3.91	9.00	92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	3
6661453	Văn Thị Ngọc	Ánh	K66KTNNA	66	16	3.56	8.29	96	Xuất sắc	Giỏi	Giỏi	10,440,000	1
6650186	Bùi Thị Thảo	Huyền	K66KTNNA	66	18	3.47	8.16	89	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,440,000	2
6668518	Vũ Việt	Trung	K66KTNNE	66	24	4.00	8.90	92	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	16,650,000	1
6667082	Nguyễn Ngọc	Thương	K66KTSA	66	17	3.74	8.51	99	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	13,020,000	1
6667747	Từ Thùy	Dương	K66KTTCB	66	15	3.80	8.44	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
6669014	Đoàn Thị Quỳnh	Trang	K66KTTCB	66	15	3.73	8.32	81	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
6661429	Lê Ngọc	Minh	K66KTTCB	66	15	3.53	7.98	80	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	3
6668475	Nguyễn Mỹ	Duyên	K66KTTCB	66	15	3.43	8.23	79	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	4
6668116	Nghiêm Thị Hoài	Thu	K66KTTCB	66	15	3.37	8.03	81	Tốt	Giỏi	Giỏi	10,020,000	5
6650853	Đỗ Thị	Hiền	K66KTTCB	66	21	3.33	7.79	79	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	6
6662189	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	K66KTTCB	66	15	3.27	7.71	77	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	7
6666626	Nguyễn Minh	Hằng	K66KTTCA	66	25	3.22	7.68	75	Khá	Giỏi	Khá	8,350,000	8
6660356	Vũ Mai	Hiên	K66KTTCE	66	19	3.95	#N/A	97	Xuất sắc	Xuất sắc	Khá	16,650,000	1
6667024	Bùi Thị	Hương	K66QLKTA	66	15	3.73	8.28	81	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	1
6669018	Lê Hữu Thái	Hoàng	K66QLKTA	66	15	3.67	8.39	79	Khá	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
6667049	Nguyễn Hồ	Hiệu	K66QLKTA	66	16	3.67	8.39	84	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	3
6660112	Nguyễn Thanh	Thảo	K66QLNNL	66	15	3.87	8.62	97	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	11,690,000	1
6666145	Nguyễn Ngọc	Linh	K66QLNNL	66	23	3.82	8.45	88	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	2
6667603	Cao Thị Hồng	Ngọc	K66QLNNL	66	15	3.80	#N/A	87	Tốt	Xuất sắc	Giỏi	10,020,000	3
6668000	Mai Thị	Hạnh	K66QLNNL	66	15	3.77	8.59	90	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,350,000	4

Danh sách gồm 202 sinh viên 1,999,760,000